

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: ĐỊA LÍ; KHỐI LỚP 12 (BỘ SÁCH KNTT)
(Năm học 2025 - 2026)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 5, Số học sinh: 199; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):199
2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 4; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: Đại học: 4; Trên đại học:.....
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 4; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....
3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bản đồ các nước Đông Nam Á	01	Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
2	Bản đồ tự nhiên Việt Nam	01	- Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ - Bài 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa - Bài 3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên - Bài 5. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường - Bài 33. Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
3	Bản đồ dân cư Việt Nam	01	- Bài 6. Dân số Việt Nam - Bài 7. Lao động và việc làm - Bài 8. Đô thị hoá	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

			- Bài 9. Thực hành: Viết báo cáo về một chủ đề dân cư ở Việt Nam	
4	Bản đồ kinh tế chung	01	Bài 10. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
5	Bản đồ nông, lâm, thủy sản	01	- Bài 10. Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản - Bài 11. Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp - Bài 12. Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản - Bài 13. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
6	Bản đồ công nghiệp chung	01	- Bài 15. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp - Bài 16. Một số ngành công nghiệp - Bài 17. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
7	Bản đồ giao thông vận tải Việt Nam	01	Bài 20. Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
8	Bản đồ du lịch Việt Nam	01	Bài 21. Thương mại và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
9	Bản đồ Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	01	Bài 23. Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
10	Bản đồ Vùng Đồng bằng sông Hồng	01	Bài 24. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
11	Bản đồ Vùng Bắc Trung Bộ	01	Bài 25. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
12	Bản đồ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	01	Bài 26+27+28. Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên)	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
13	Bản đồ Vùng Đông Nam Bộ	01	Bài 29. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
14	Bản đồ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	01	Bài 30. Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học²

1. Phân phối chương trình

Thứ tự tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
PHẦN 1. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN				
1,2	Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	2	1. Kiến thức: - Xác định được đặc điểm vị trí địa lí; phạm vi lãnh thổ Việt Nam và các tỉnh, thành phố trên bản đồ. - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...	

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

			* Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ nước ta. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: tính được giới hạn tọa độ nước ta. > Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí, chủ quyền lãnh thổ nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khẳng định và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Có ý thức đấu tranh để bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ nước ta. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
3,4	Bài 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	2	1. Kiến thức: - Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.	

		- Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được nhân tố chính tạo nên tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được biểu hiện và nguyên nhân dẫn đến tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên nước ta. Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tới các hoạt động sản xuất và đời sống. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ Khí hậu Việt Nam, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: nhiệt độ trung bình năm, lượng mưa trung bình năm, cân bằng ẩm...	
--	--	---	--

			> Nhận xét và giải thích biểu đồ về nhiệt độ và lượng mưa, sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về khí hậu, địa hình, sông ngòi, đất, sinh vật của nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến biểu hiện, nguyên nhân dẫn đến tính chất nhiệt đới ẩm của tự nhiên và ảnh hưởng của tính chất đó tới các hoạt động sản xuất và đời sống. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào trước các đặc điểm nổi bật của thiên nhiên nước ta. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
5,6,7,8	Bài 3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	4	1. Kiến thức: - Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. - Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.	

		+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định và trình bày được phạm vi, đặc điểm tự nhiên của các phần lãnh thổ, các đai cao và các miền tự nhiên nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự phân hóa của thiên nhiên nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ tự nhiên Việt Nam, Atlat Địa lí Việt Nam. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập, nghiên cứu về sự phân hóa của thiên nhiên nước ta. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tự nhiên các phần lãnh thổ, các đai, các vùng, các miền tự nhiên nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hóa của thiên nhiên nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về sự đa dạng của thiên nhiên nước ta. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện tự nhiên cũng như hoàn cảnh sống khác nhau.	
--	--	--	--

			- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
9	Bài 4. Thực hành: Viết báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam	1	1. Kiến thức: - Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm để thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta. > Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề sự phân hoá tự nhiên Việt Nam. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>:	

			+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy sự phân hoá tự nhiên Việt Nam. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hoá tự nhiên Việt Nam. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
10,11,12	Bài 5. Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	3	1. Kiến thức: - Trình bày và giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. - Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. - Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. - Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường. - Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...	

		* Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố một số loại tài nguyên nước ta. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với một số loại tài nguyên nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được hiện tượng sự phân bố, hiện trạng sử dụng và khai thác một số loại tài nguyên thiên nhiên nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: tỉ lệ che phủ rừng, tỉ lệ các loài sinh vật bị suy giảm... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về hiện trạng các loại tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hiện trạng sử dụng và giải pháp sử dụng hợp lí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường ở nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tự hào trước sự phong phú, đa dạng của tài nguyên thiên nhiên. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng, bảo vệ tự nhiên và môi trường. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập.	
--	--	--	--

			- <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
PHẦN 2. ĐỊA LÍ DÂN CƯ				
13,14	Bài 6. Dân số Việt Nam	2	1. Kiến thức: - Trình bày được đặc điểm dân số. - Phân tích các thế mạnh và hạn chế về dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. - Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số, liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương. - Vẽ được biểu đồ về dân số. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam. - Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố dân cư nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được các đặc điểm dân số và phân bố dân cư của nước ta. Tác động của những đặc điểm đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta.	

			- <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản; biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; vẽ biểu đồ... > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...liên quan đến đặc điểm dân số và phân bố dân cư. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về đặc điểm dân số nước ta. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
15	Bài 7. Lao động và việc làm	1	1. Kiến thức: - Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế. - Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta. - Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta. - Liên hệ được thực tế địa phương về vấn đề lao động, việc làm. - Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm. 2. Năng lực:	Ý 1 bỏ: cơ cấu sd lao động theo thành thị và

		* Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bảng số liệu, biểu đồ để phân tích được đặc điểm lao động và việc làm nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được các đặc điểm lao động và việc làm nước ta. Tác động của những đặc điểm đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản; biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; vẽ biểu đồ... > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...liên quan đến đặc điểm lao động và việc làm. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm lao động và việc làm nước ta.	nông thôn
--	--	---	--------------

			+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đặc điểm lao động và việc làm ở nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về những thế mạnh của nguồn lao động nước ta. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong lựa chọn nghề nghiệp và năng lực lao động của mỗi người. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
16	Bài 8. Đô thị hoá	1	1. Kiến thức: - Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam. - Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để nhận xét và giải thích về đô thị hoá ở nước ta. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i>	Ý 1 bỏ về: sự phân bố mạng lưới đô thị.

			Biết và giải thích được đặc điểm quá trình đô thị hóa và tác động của đô thị hóa tới kinh tế - xã hội nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm quá trình đô thị hóa và tác động của đô thị hóa tới kinh tế - xã hội nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đặc điểm quá trình đô thị hóa và tác động của đô thị hóa tới kinh tế - xã hội nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về quá trình phát triển đô thị hóa ở nước ta. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh, điều kiện sống của mỗi người, mỗi khu vực. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
17	Ôn tập Giữa kì I	1	1. Kiến thức: - Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	

			+ Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	
18	Kiểm tra Giữa kì I	1	1. Kiến thức: - Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá. 2. Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	
19	Bài 9. Thực hành: Viết báo cáo về một chủ đề dân cư ở Việt Nam	1	1. Kiến thức: - Viết được báo cáo giới thiệu một trong các chủ đề về dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá ở Việt Nam. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm để thực hiện nhiệm vụ thực hành.	

		+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Thu thập được thông tin và liên hệ thực tế để viết báo cáo về chủ đề dân cư ở nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề về dân cư nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về dân cư nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến dân cư nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về các đặc điểm dân số nước ta. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
PHẦN 3. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ			

20,21	Bài 10. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	2	1. Kiến thức: - Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. - Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. - Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay. - Vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Xác định được nguyên nhân và ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản; biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.	Bổ: Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta.
-------	------------------------------------	---	--	--

			- <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về quá trình phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
22,23,24	Bài 11. Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp	3	1. Kiến thức: - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nông nghiệp nước ta. - Trình bày được cơ cấu nông nghiệp và sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... - Nêu được xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.	

		- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố một số sản phẩm của ngành nông nghiệp nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: biết và giải thích được điều kiện, hiện trạng phát triển và phân bố một số sản phẩm của ngành nông nghiệp nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản (sản lượng, năng suất, diện tích, bình quân lương thực...); biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; vẽ biểu đồ; > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về ngành nông nghiệp nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ngành nông nghiệp nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào với ngành kinh tế truyền thống của nước ta. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong lựa chọn nghề nghiệp. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập.	
--	--	---	--

			- <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
25,26	Bài 12. Vấn đề phát triển lâm nghiệp và ngành thủy sản	2	1. Kiến thức: - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố lâm nghiệp thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... - Trình bày được vấn đề quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển ngành thủy sản. - Trình bày được cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố một số sản phẩm của ngành lâm nghiệp và thủy sản nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: biết và giải thích được điều kiện, hiện trạng phát triển và phân bố một số sản phẩm của ngành lâm nghiệp và thủy sản nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí:	

			> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản (sản lượng, năng suất, diện tích, bình quân lương thực...); biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; vẽ biểu đồ; > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về ngành lâm nghiệp và thủy sản nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ngành lâm nghiệp và thủy sản nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về sự phát triển của các ngành kinh tế nước ta. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong lựa chọn nghề nghiệp. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
27	Bài 13. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	1	1. Kiến thức: - Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, khu nông nghiệp công nghệ cao, vùng chuyên canh. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.	Thay vùng nông nghiệp bằng khu nông nghiệp công

		+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bảng số liệu để phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, khu nông nghiệp công nghệ cao của nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Nhận xét và giải thích bảng số liệu thống kê; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, khu nông nghiệp công nghệ cao của nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, khu nông nghiệp công nghệ cao của nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tự hào về truyền thống phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản nước ta. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.	nghệ cao
--	--	---	---------------------

			- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
28	Bài 14. Thực hành: Tìm hiểu vai trò ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; vẽ biểu đồ và nhận xét về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1	1. Kiến thức: - Khái quát được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm để thực hành. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ, internet... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Thu thập được thông tin và liên hệ thực tế để khái quát được vai trò, tình hình phát triển và sự chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới. > Sử dụng bảng số liệu để vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề về vai trò, tình hình phát triển và sự chuyển dịch cơ cấu ngành nông	

			ng nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản của nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về quá trình phát triển kinh tế nước ta. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
29	Bài 15. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp	1	1. Kiến thức: - Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.	

			- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được cơ cấu ngành công nghiệp nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về cơ cấu ngành công nghiệp nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến cơ cấu ngành công nghiệp nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về sự phát triển ngành công nghiệp nói riêng và quá trình công nghiệp hóa nói chung. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
30,31	Bài 16. Một số ngành công nghiệp	2	1. Kiến thức:	

		- Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày, dép thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được đặc điểm phát triển, phân bố của một số ngành công nghiệp ở nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm phát triển, phân bố của một số ngành công nghiệp ở nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đặc điểm phát triển, phân bố của một số ngành công nghiệp ở nước ta.	
--	--	--	--

			3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về sự phát triển ngành công nghiệp của nước ta. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong lựa chọn nghề nghiệp. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
32	Bài 17. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	1	1. Kiến thức: - Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự hình thành và phân bố một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí:	Bỏ Trung tâm công nghiệp

			> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Nhận xét và giải thích sơ đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng đất nước, tự hào về quá trình phát triển ngành công nghiệp, quá trình công nghiệp hóa ở nước ta. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong lựa chọn nghề nghiệp. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
33	Bài 18. Thực hành: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình phát triển ngành công nghiệp	1	1. Kiến thức: - Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm để thực hành. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.	

			- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bảng số liệu để vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích tình hình phát triển ngành công nghiệp ở nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề về tình hình phát triển ngành công nghiệp ở nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế và nghề nghiệp. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.	
34	Ôn tập Cuối kì I	1	1. Kiến thức:	

			- Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp + Vấn đề phát triển công nghiệp + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	
35	Kiểm tra Cuối kì I	1	1. Kiến thức: - Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp + Vấn đề phát triển công nghiệp + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp	

			2. Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	
36	Bài 19. Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ	1	1. Kiến thức: - Khái quát được vai trò của ngành dịch vụ. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao.	

		+ Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố của các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.	
--	--	--	--

		+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Tự hào trước các đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của quê hương, đất nước. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống của người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân	
--	--	--	--

			khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của quê hương, đất nước.	
37,38	Bài 20. Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	2	1. Kiến thức: - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. - Vẽ được biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao.	

		+ Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí	
--	--	--	--

			> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... > Vẽ, nhận xét và giải thích được biểu đồ. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển, phân bố các ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Tự hào trước sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập.	
39,40	Bài 21. Thương mại và du lịch	2	1. Kiến thức: - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành thương mại ở Việt Nam. - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành du lịch, phân tích được sự phân hóa lãnh thổ du lịch (các điểm du lịch, khu du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững.	Ý 2: thay (các trung tâm, các vùng du

		- Vẽ được biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến thương mại và du lịch. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm.	lịch) bằng (các điểm du lịch, khu du lịch)
--	--	--	---

		+ Hội nhập quốc tế: Hiểu biết cơ bản về vấn đề hội nhập, nhất là thương mại quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phát triển ngành thương mại và du lịch của nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phát triển ngành thương mại và du lịch của nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam.	
--	--	--	--

		> Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: Tổng giá trị xuất nhập khẩu, cán cân thương mại. Tính được doanh thu du lịch bình quân. > Vẽ, nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển ngành thương mại và du lịch của nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển ngành thương mại và du lịch của nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Tự hào về những thành tựu trong sự phát triển ngành thương mại và du lịch của đất nước. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> + Ham học: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Chăm làm: Tích cực và vận động người khác tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> + Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. + Có trách nhiệm trong việc giữ gìn, phát huy các tài nguyên du lịch.	
--	--	--	--

41	Bài 22. Thực hành: Tìm hiểu sự phát triển một số ngành dịch vụ	1. Kiến thức: - Tìm hiểu thực tế, viết được đoạn văn ngắn giới thiệu, quảng bá về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương, nhất là về du lịch. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác.	
----	---	--	--

		+ Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. + Hội nhập quốc tế: Hiểu biết cơ bản về vấn đề hội nhập, nhất là thương mại quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phát triển các ngành dịch vụ của nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phát triển các ngành dịch vụ của nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...	
--	--	---	--

		> Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển các ngành dịch vụ của nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển các ngành dịch vụ của nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Tự hào trước sự phát triển kinh tế - xã hội của quê hương, đất nước. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> + Ham học: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Chăm làm: Tích cực và vận động người khác tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.	
PHẦN 4. ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ			

42,43	Bài 23. Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	1. Kiến thức: - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Chứng minh được các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng về khoáng sản và thủy điện, cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (cây công nghiệp, rau quả); chăn nuôi gia súc lớn. - Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng và nêu được hướng phát triển. - Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội với an ninh quốc phòng. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao.	
-------	--	--	--

		+ Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp đề nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ cùng sự phân bố tài nguyên khoáng sản, thủy điện của Trung du và miền núi Bắc Bộ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được thế mạnh và hiện trạng khai thác, chế biến khoáng sản; thế mạnh thủy điện; thế mạnh phát	
--	--	--	--

			triển cây công nghiệp, cây ăn quả, cây rau; thể mạnh phát triển chăn nuôi gia súc lớn của Trung du và miền núi Bắc Bộ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, dân số và các thể mạnh của Trung du và miền núi Bắc Bộ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, dân số và các thể mạnh của Trung du và miền núi Bắc Bộ. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập và cộng đồng.	
44,45,46	Bài 24. Phát triển kinh tế - xã hội ở	3	1. Kiến thức: - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.	Ý 3 thêm: phát

	Đồng bằng sông Hồng	- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của Đồng bằng sông Hồng. - Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ, phát triển kinh tế biển. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao.	triển kinh tế biển
--	------------------------------	---	--------------------------

		+ Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đồng bằng sông Hồng; Các thế mạnh và hạn chế chủ yếu; vấn đề phát triển công nghiệp, dịch vụ, kinh tế biển ở Đồng bằng sông Hồng. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phát triển công nghiệp, dịch vụ, kinh tế biển ở Đồng bằng sông Hồng. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí	
--	--	--	--

			> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đồng bằng sông Hồng; Các thế mạnh và hạn chế chủ yếu; vấn đề phát triển công nghiệp, dịch vụ, kinh tế biển ở Đồng bằng sông Hồng. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đồng bằng sông Hồng; Các thế mạnh và hạn chế chủ yếu; vấn đề phát triển công nghiệp, dịch vụ, kinh tế biển ở Đồng bằng sông Hồng. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập và cộng đồng.	
47,48	Bài 25. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	2	1. Kiến thức: - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Bắc Trung Bộ. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ.	

		- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và hạn chế của Bắc Trung Bộ. - Trình bày được một số thế mạnh phát triển du lịch của vùng 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao.	
--	--	--	--

		+ Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Bắc Trung Bộ; những thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí:	
--	--	---	--

			> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Bắc Trung Bộ; những thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Bắc Trung Bộ; những thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập và cộng đồng.	
49,50	Bài 26+27+28. Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ	2	1. Kiến thức: - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế.	Vùng Nam Trung

	(Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên)	- Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và định hướng phát triển các ngành kinh tế biển; thủy điện, khoáng sản (boxit); cây công nghiệp lâu năm, lâm nghiệp và du lịch - Sử dụng được bản đồ, bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng. - Phân tích ý nghĩa phát triển kinh tế xã hội với quốc phòng an ninh 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao.	Bộ mới (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên)
--	--	---	--

		+ Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlat, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> - Xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Nam Trung Bộ; Các thế mạnh và hạn chế đối với sự phát triển các ngành kinh tế Nam Trung Bộ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...	
--	--	--	--

			+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Nam Trung Bộ; Các thế mạnh và hạn chế đối với sự phát triển các ngành kinh tế ở Nam Trung Bộ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Nam Trung Bộ; Các thế mạnh và hạn chế đối với sự phát triển các ngành kinh tế ở Nam Trung Bộ. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập và cộng đồng.	
51	Ôn tập Giữa kì II	1	1. Kiến thức: - Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ. + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ 2. Năng lực:	

			- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	
52	Kiểm tra Giữa kì II	1	1. Kiến thức: - Kiểm tra nội dung kiến thức đã học: + Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ. + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ 2. Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	
53,54,55	Bài 26+27+28. Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên) (tiếp)	3	1. Kiến thức: - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế. - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và định hướng phát triển các ngành kinh tế biển; thủy điện, khoáng sản (boxit); cây công nghiệp lâu năm, lâm nghiệp và du lịch - Sử dụng được bản đồ, bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng. - Phân tích ý nghĩa phát triển kinh tế xã hội với quốc phòng an ninh 2. Năng lực: * Năng lực chung:	Vùng Nam Trung Bộ mới (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây

		- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...	Nguyên)
--	--	--	---------------------

		+ Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và định hướng phát triển các ngành kinh tế biển; cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch ở Nam Trung Bộ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được vì sao phải khai thác các thế mạnh ở Nam Trung Bộ, ý nghĩa của việc phát triển kinh tế - xã hội ở đối với quốc phòng an ninh. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tình hình phát triển, phân bố và định hướng phát triển các	
--	--	---	--

			ngành kinh tế biển; cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxít), du lịch ở Nam Trung Bộ. Ý nghĩa của việc phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tình hình phát triển, phân bố và định hướng phát triển các ngành kinh tế biển; cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxít), du lịch ở Nam Trung Bộ. Ý nghĩa của việc phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập và cộng đồng.	
56,57,58	Bài 29. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	3	1. Kiến thức: - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển kinh tế của vùng. - Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp; dịch vụ; nông nghiệp, kinh tế biển của vùng - Trình bày được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và hiện trạng phát triển các ngành kinh tế. 2. Năng lực: * Năng lực chung:	

		- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...	
--	--	--	--

		+ Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đông Nam Bộ; Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế; Vấn đề bảo vệ môi trường ở vùng Đông Nam Bộ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được vì sao phải chú ý bảo vệ môi trường ở Đông Nam Bộ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đông Nam Bộ; Các	
--	--	--	--

		thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế; Vấn đề bảo vệ môi trường ở vùng Đông Nam Bộ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đông Nam Bộ; Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế; Vấn đề bảo vệ môi trường ở vùng Đông Nam Bộ. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái</i>: + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i>: Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập và cộng đồng.	
59,60	Bài 30. Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2 1. Kiến thức: - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Chứng minh được các thế mạnh, hạn chế để phát triển kinh tế của vùng; trình bày được hướng sử dụng hợp lí tự nhiên của vùng. - Giải thích được tại sao phải sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Trình bày được vai trò, tình hình phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm của vùng. - Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng. - Sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày các thế mạnh, tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng.	

		- Vẽ được biểu đồ kinh tế - xã hội, nhận xét và giải thích. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i>	
--	--	--	--

		+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đồng bằng sông Cửu Long; Vấn đề sử dụng hợp lí tự nhiên; Vấn đề phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm; Vấn đề phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được vì sao sử dụng hợp lí ở Đồng bằng sông Cửu Long. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... > Vẽ, nhận xét và giải thích biểu đồ. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.	
--	--	--	--

			- <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đồng bằng sông Cửu Long; Vấn đề sử dụng hợp lý tự nhiên; Vấn đề phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm; Vấn đề phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long. + Vận dụng tri thức địa lý giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ, dân số của Đồng bằng sông Cửu Long; Vấn đề sử dụng hợp lý tự nhiên; Vấn đề phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm; Vấn đề phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập và cộng đồng.	
61	Bài 31. Thực hành: Viết báo cáo về biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long	1	1. Kiến thức: - Biết cách thu thập được tài liệu và viết báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.	

		+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập.	
--	--	---	--

		+ Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được các khu vực ở Đồng bằng sông Cửu Long sẽ chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Trình bày được các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ảnh	
--	--	--	--

		hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.	
62,63,64	Bài 33. Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	3 1. Kiến thức: - Trình bày được khái quát về Biển Đông. - Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta. - Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. - Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta. - Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo. 2. Năng lực: * Năng lực chung:	Bỏ cả bài các vùng kinh tế trọng điểm

		- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. + Hội nhập quốc tế: Hiểu biết cơ bản về vấn đề hội nhập, nhất là vấn đề hợp tác giải quyết các vấn đề biển đảo. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i>	
--	--	---	--

		+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi vùng biển nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được vì sao phải khai thác tổng hợp tài nguyên vùng biển, đảo nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí, chủ quyền, tài nguyên vùng biển nước ta.	
--	--	--	--

		+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khẳng định và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta; Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển đảo nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái</i>: + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tích cực, chủ động và vận động người khác ngăn chặn hành vi bạo lực. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i>: Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: + Có trách nhiệm với bản thân: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. + Có trách nhiệm với gia đình: Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình cũng như trách nhiệm trong nhóm/lớp học tập và cộng đồng. + Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội: Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. Đánh giá được hành vi chấp hành pháp luật của mình và người khác; Đấu tranh, phê bình hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm pháp luật. + Có trách nhiệm với môi trường sống: Hiểu rõ ý nghĩa của việc tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; Có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và sự phát triển bền vững vùng biển đảo.	
--	--	--	--

65	Bài 34. Thực hành: Viết báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	1. Kiến thức: - Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác.	
----	---	--	--

		+ Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. + Hội nhập quốc tế: Hiểu biết cơ bản về vấn đề hội nhập, nhất là vấn đề hợp tác giải quyết các vấn đề biển đảo. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi vùng biển nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Hiểu và giải thích được vì sao phải bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo của Việt Nam. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam.	
--	--	--	--

			> Sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí, chủ quyền vùng biển nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khẳng định và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tích cực, chủ động và vận động người khác ngăn chặn hành vi bạo lực. + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức và suy nghĩ của các cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực:</i> Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập và cộng đồng.	
PHẦN 5. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG				
66,67,68	Bài 35. Thực hành: Tìm hiểu địa lí địa phương	3	1. Kiến thức: - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính của các tỉnh, thành phố dựa trên bản đồ của địa phương, Việt Nam và kiến thức đã có. - Phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế địa phương dựa vào việc sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê,... Viết được báo cáo giới thiệu địa lí địa phương theo một số chủ đề dựa vào việc thu thập các tài liệu, tranh ảnh, số liệu....	

		2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập. + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp. + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm. + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập. + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao. + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao. + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác. + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm. + Hội nhập quốc tế: Hiểu biết cơ bản về vấn đề hội nhập, nhất là vấn đề hợp tác giải quyết các vấn đề biển đảo.	
--	--	--	--

		- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ... + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập. + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập. + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm. + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập. * Năng lực chuyên biệt: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ của địa phương. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. > Sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i>	
--	--	---	--

			+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư và xã hội, kinh tế của địa phương. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến địa phương. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Tự hào về các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư - xã hội và kinh tế của địa phương. - <i>Nhân ái</i>: + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. + Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện của mỗi địa phương. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i>: Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với việc bảo vệ, xây dựng quê hương, đất nước.	
69	Ôn tập Cuối kì II	1	1. Kiến thức: - Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ + Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long	

			+ Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	
70	Kiểm tra Cuối kì II	1	1. Kiến thức: - Kiểm tra các nội dung kiến thức đã học: + Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ + Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long + Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo 2. Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	

2. Chuyên đề lựa chọn

Thứ tự tiết	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1 - 10	Chuyên đề 1. Thiên tai và biện pháp phòng chống	10	1. Kiến thức: - Trình bày được quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân và phân loại thiên tai. - Trình bày được một số thiên tai và nơi thường xảy ra (bão, lũ lụt, hạn hán, các thiên tai khác); phân tích được nguyên nhân, hậu quả của mỗi loại và xác định được các biện pháp phòng chống. Liên hệ, tìm hiểu được về một thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp). - Thu thập được tranh ảnh, số liệu, video,... để trưng bày một số chủ đề về thiên tai ở nước ta. - Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng chống. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ, tranh ảnh để xác định được phạm vi tác động của một số thiên tai. > Phân tích được mối quan hệ giữa một số thiên tai với các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và ảnh hưởng của thiên tai tới tự nhiên, kinh tế - xã hội.

			+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được nguyên nhân sinh ra một số thiên tai ở nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: thời gian, cường độ, tần suất thiên tai. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về hiện trạng thiên tai, hậu quả của thiên tai và biện pháp phòng chống thiên tai ở nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hiện trạng thiên tai và biện pháp phòng chống thiên tai ở nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Đồng cảm, chia sẻ với những khó khăn của nhân dân ở vùng hay xảy ra thiên tai. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức. Có ý thức tìm hiểu và hành động phòng chống thiên tai.
11 - 25	Chuyên đề 2. Phát triển vùng	15	1. Kiến thức: - Trình bày được quan niệm về vùng, ý nghĩa của vùng và cơ sở hình thành vùng trong nền kinh tế đất nước. - Phân biệt được các loại vùng kinh tế (theo các tiêu chí cụ thể): vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành,... - Trình bày (tóm tắt) được các loại vùng kinh tế ở Việt Nam.

			- Trình bày được đặc điểm và giải thích được sự hình thành của một số loại vùng kinh tế. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được phạm vi, sự phân bố các loại vùng ở nước ta: vùng kinh tế - xã hội; vùng kinh tế ngành; vùng kinh tế trọng điểm. > Phân tích được các nguồn lực, các ngành kinh tế nổi bật, các trung tâm kinh tế chính ở các vùng kinh tế nước ta. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được cơ sở, ý nghĩa của việc hình thành các vùng kinh tế ở nước ta. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: GRDP và cơ cấu GRDP... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i>
--	--	--	---

			+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về các vùng kinh tế nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các vùng kinh tế nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tin tưởng vào sự lãnh đạo và đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống, sự phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức. Có ý thức trong việc lao động, xây dựng quê hương, đất nước.
26 - 35	Chuyên đề 3. Phát triển làng nghề	10	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển làng nghề. - Phân tích được vai trò của làng nghề, thực trạng và định hướng phát triển làng nghề, tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường. - Liên hệ thực tế địa phương. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

			- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố của một số làng nghề nước ta. > Phân tích được thực trạng phát triển một số làng nghề. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được quá trình hình thành và phát triển làng nghề ở Việt Nam. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam. > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: cơ cấu số lượng làng nghề, cơ cấu giá trị sản xuất của các làng nghề... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về phát triển làng nghề ở nước ta. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vấn đề phát triển làng nghề nước ta. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về sự phát triển của các làng nghề cũng như truyền thống cần cù, chịu khó, sáng tạo, khéo léo của người lao động nước ta. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong định hướng lựa chọn nghề nghiệp, quý trọng giá trị lao động. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập.
--	--	--	---

			- <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức. Có ý thức trong việc giữ gìn và phát triển các làng nghề ở địa phương.
--	--	--	--

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Kiểm tra giữa kỳ 1	45 phút	Tuần 9	1. Kiến thức: - Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá. 2. Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	- Dạng thức I: 30%; - Dạng thức II: 20%; - Dạng thức III: 20%. - Tự luận: 30%
Kiểm tra cuối kỳ 1	45 phút	Tuần 18	1. Kiến thức: - Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	- Dạng thức I: 30%; - Dạng thức II: 20%; - Dạng thức III: 20%. - Tự luận : 30%

			+ Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp + Vấn đề phát triển công nghiệp + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp 2. Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	
Kiểm tra giữa kỳ 2	45 phút	Tuần 26	1. Kiến thức: - Kiểm tra nội dung kiến thức đã học: + Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ. + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ 2. Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất:	- Dạng thức I: 30%; - Dạng thức II: 20%; - Dạng thức III: 20%. - Tự luận : 30%

			- Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	
Kiểm tra cuối kỳ 2	45 phút	Tuần 35	1. Kiến thức: - Kiểm tra các nội dung kiến thức đã học: + Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ + Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long + Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo 2. Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ.	- Dạng thức I: 30%; - Dạng thức II: 20%; - Dạng thức III: 20%. - Tự luận : 30%

III. Các nội dung khác (nếu có):

Thực hiện theo kế hoạch tổ chuyên môn.

TỔ PHÓ CM

Lê Thị Hoan

Phú Thuận, ngày 17 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: ĐỊA LÍ; KHỐI LỚP 11 (KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)
(Năm học 2025 – 2026)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 05; Số học sinh: 189; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):189

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 04; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0, Đại học 04; Trên đại học:..0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ³: Tốt:4; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bản đồ các nước trên thế giới	01	Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế-xã hội của các nhóm nước. Bài 2. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Bài 3. Thực hành. Tìm hiểu về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

³ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

			Bài 4. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu. Bài 5. Thực hành. Viết báo cáo về nền kinh tế tri thức.	
2	- Bản đồ tự nhiên khu vực Mỹ Latinh - Bản đồ các nước Mỹ Latinh - Bản đồ kinh tế Mỹ la-tinh	01	Bài 6. Vị trí địa lí. Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Bài 7. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
3	Bản đồ kinh tế Cộng hòa Liên bang Bra-xin.	01	Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở Cộng hoà Liên bang Bra-xin.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
4	Bản đồ các nước châu Âu	01	Bài 9. Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
5	Bản đồ Kinh tế Cộng hoà Liên bang Đức.	01	Bài 10. Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
6	Bản đồ Tự nhiên Đông Nam Á.	01	Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
7	- Bản đồ các nước Đông Nam Á. - Bản đồ kinh tế Đông Nam Á	01	Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á. Bài 12. Kinh tế khu vực Đông Nam Á. Bài 13. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
8	- Bản đồ Tự nhiên Tây Nam Á - Bản đồ các nước Tây Nam Á - Bản đồ kinh tế khu vực Tây Nam Á	01	Bài 15. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á. Bài 16. Kinh tế khu vực Tây Nam Á.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
9	- Bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ. - Bản đồ dân cư Hoa Kỳ.	01	Bài 18. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
10	Bản đồ kinh tế Hoa Kỳ	01	Bài 19. Kinh tế Hoa Kỳ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

11	- Bản đồ tự nhiên Liên bang Nga. - Bản đồ dân cư Liên bang Nga.	01	Bài 20. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
12	Bản đồ kinh tế Liên bang Nga	01	Bài 21. Kinh tế Liên bang Nga	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
13	- Bản đồ tự nhiên Nhật Bản. - Bản đồ dân cư Nhật Bản.	01	Bài 23. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
14	Bản đồ kinh tế Nhật Bản	01	Bài 24. Kinh tế Nhật Bản	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
15	- Bản đồ tự nhiên Trung Quốc. - Bản đồ dân cư Trung Quốc.	01	Bài 26. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
16	Bản đồ kinh tế Trung Quốc.	01	Bài 27. Kinh tế Trung Quốc	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
17	- Bản đồ tự nhiên Cộng hoà Nam Phi. - Bản đồ dân cư Cộng hoà Nam Phi.	01	Bài 30. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
18	Bản đồ Kinh tế Cộng hoà Nam Phi.	01	Bài 31. Kinh tế Cộng hoà Nam Phi	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học⁴

1. Phân phối chương trình

Thứ tự tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
-------------	---------	---------	-----------------	---------

⁴ Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

PHẦN MỘT. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI				
1	Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước.	2	1. Kiến thức: - Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người. - Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước. - Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước. - Phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước. - Thu thập được tư liệu về kinh tế - xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về quá khứ cũng như hiện tại phát triển của đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
2				
3	Bài 2. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.	2	1. Kiến thức: - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế. Phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới. - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hóa kinh tế. Phân tích được ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới. 2. Năng lực:	
4				

			* Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Quan tâm đến mối quan hệ hài hòa với những người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
5	Bài 3. Thực hành. Tìm hiểu về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế	1	1. Kiến thức: - Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển. - Xác định được cơ hội của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển. - Xác định được thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i>	

			3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng năng lực, phẩm chất cũng như định hướng nghề nghiệp của cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
6 7	Bài 4. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu	2	- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). - Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Quan tâm đến mối quan hệ hài hòa với những người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân. Có ý thức tham gia, vận động, tuyên truyền để giữ gìn hòa bình trong nước và thế giới.	
8	Bài 5. Thực hành. Viết báo cáo về nền kinh tế tri thức.	1	1. Kiến thức: Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. 2. Năng lực:	

			* Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Phát hiện và giải thích được đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> Có ý thức học hỏi các nền văn hoá trên thế giới. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
PHẦN HAI. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA				
KHU VỰC MỸ LATINH				
9	Bài 6. Vị trí địa lí. Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh.	3	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được vấn đề đô thị hóa, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i>.	
10				
11				

			- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của Mỹ Latinh. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, dân cư, xã hội của Mỹ Latinh. > Xác định và lí giải được sự phân bố các loại tài nguyên thiên nhiên Mỹ Latinh. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được vì sao đa số các nước Mỹ Latinh có nền văn hóa đa dạng. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tự nhiên, dân cư, xã hội Mỹ Latinh. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tự nhiên, dân cư, xã hội Mỹ Latinh. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
12	Bài 7. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh	2	1. Kiến thức: - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>	
13				

			- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và lí giải được sự phân bố các ngành kinh tế Mỹ Latinh. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được vì sao đa số các nước Mỹ Latinh phát triển không ổn định. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về kinh tế Mỹ Latinh. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế Mỹ Latinh. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
14	Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở Cộng hoà Liên bang Bra-xin.	1	1. Kiến thức: Viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Bra-xin và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.	

			- <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của Bra-xin. > Thu thập được thông tin về tình hình kinh tế và vấn đề xã hội ở Bra-xin. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề kinh tế, xã hội ở Bra-xin. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tình hình kinh tế và vấn đề xã hội ở Bra-xin. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tình hình kinh tế và vấn đề xã hội ở Bra-xin. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
15	Ôn tập giữa học kì I	1	1. Kiến thức: Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các bài đã học: Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. Bài 2. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.	

			Bài 4. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu Bài 6. Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Bài 7. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù:Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
16	Kiểm tra giữa kỳ I	1	1. Kiến thức: Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù:Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)				
17	Bài 9. Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn.	4	I. MỤC TIÊU 1. Kiến thức: - Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU. - Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét.	
18				
19				
20				

		- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của EU, hệ thống hóa và trình bày theo chủ đề. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của Liên minh châu Âu (EU). + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân ra đời, phát triển; Mục đích và thể chế; Vị thế; Hợp tác và liên kết của EU trong nền kinh tế thế giới. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về nguyên nhân ra đời, phát triển; Mục đích và thể chế; Vị thế; Hợp tác và liên kết của EU trong nền kinh tế thế giới. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nguyên nhân ra đời, phát triển; Mục đích và thể chế; Vị thế; Hợp tác và liên kết của EU trong nền kinh tế thế giới. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
--	--	--	--

21	Bài 10. Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức	1 1. Kiến thức: Viết được báo cáo tìm hiểu về sự phát triển công nghiệp của Cộng hòa Liên bang Đức (CHLB Đức). 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của cộng hòa liên bang Đức. > Thu thập được thông tin về sự phát triển công nghiệp của Cộng hòa Liên bang Đức. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề về tình hình phát triển công nghiệp của cộng hòa liên bang Đức. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tình hình phát triển công nghiệp của cộng hòa liên bang Đức. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tình hình phát triển công nghiệp của cộng hòa liên bang Đức. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao.	
----	--	--	--

			- <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á				
22	Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á	2	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội các nước Đông Nam Á. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Đông Nam Á. > Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội Đông Nam Á. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>:	
23				

			+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư, xã hội các nước Đông Nam Á. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư, xã hội các nước Đông Nam Á. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
24	Bài 12. Kinh tế khu vực Đông Nam Á.	2	1. Kiến thức: - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á. - Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp và công nghiệp khu vực Đông Nam Á, rút ra nhận xét; phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố các ngành kinh tế các nước Đông Nam Á. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế Đông Nam Á. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i>	
25				

			- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về kinh tế các nước Đông Nam Á. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế các nước Đông Nam Á. 3. Phẩm chất: - Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - Chăm chỉ: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - Trung thực: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
26	Bài 13. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	2	1. Kiến thức: - So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hóa; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN. - Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN. - Khai thác, chọn lọc, hệ thống hóa được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực ASEAN. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - Nhận thức khoa học địa lí:	
27				

			+ Nhận thức thể giới theo quan điểm không gian: Xác định được mục tiêu và cơ chế hoạt động, hợp tác của ASEAN; Những thành tựu và thách thức của ASEAN và Việt Nam trong quá trình gia nhập ASEAN. > Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của ASEAN. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về mục tiêu và cơ chế hoạt động, hợp tác của ASEAN; Những thành tựu và thách thức của ASEAN và Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến mục tiêu và cơ chế hoạt động, hợp tác của ASEAN; Những thành tựu và thách thức của ASEAN và Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
28	Bài 14. Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động du lịch và kinh tế đối ngoại của khu vực Đông Nam Á	1	1. Kiến thức: Khai thác, chọn lọc thông tin từ Internet và các nguồn thông tin khác liên quan đến du lịch khu vực Đông Nam Á. Vẽ được biểu đồ theo yêu cầu. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i>	

			- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được các hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của ASEAN. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến việc ASEAN phải đẩy mạnh các hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của ASEAN. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của ASEAN. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
KHU VỰC TÂY NAM Á				
29	Bài 15. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á.	3	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, của một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được ảnh hưởng của một số đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nam Á.	
30				
31				

		- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của khu vực Tây Nam Á. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội của Tây Nam Á. > Xác định và lí giải được sự phân bố các loại tài nguyên thiên nhiên Tây Nam Á. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được vì sao khu vực Tây Nam Á lại có nhiều bất ổn và được gọi là “điểm nóng của thế giới”. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tự nhiên, dân cư, xã hội Tây Nam Á.	
--	--	---	--

			+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tự nhiên, dân cư, xã hội Tây Nam Á. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
32	Bài 16. Kinh tế khu vực Tây Nam Á.	1	1. Kiến thức: - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực, sự phát triển một số ngành kinh tế của khu vực Tây Nam Á. - Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp và công nghiệp khu vực Tây Nam Á, rút ra nhận xét; phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố một số ngành kinh tế khu vực Tây Nam Á. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được vì sao khu vực Tây Nam Á lại có nhiều bất ổn và được gọi là “điểm nóng của thế giới”.	

			- <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về kinh tế Tây Nam Á. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế Tây Nam Á. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
33	Bài 17. Thực hành: Viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á	1	1. Kiến thức: - Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á, hệ thống hóa và trình bày theo chủ đề. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Thu thập được thông tin về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á.	

			+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được một số vấn đề về việc khai thác dầu mỏ ở Tây Nam Á. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở Tây Nam Á. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở Tây Nam Á. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
34	Ôn tập cuối học kì I	1	1. Kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. Bài 2. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Bài 4. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu Bài 6. Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Bài 7. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh Bài 9. Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn. Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á Bài 12. Kinh tế khu vực Đông Nam Á. Bài 13. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) Bài 15. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á. Bài 16. Kinh tế khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực:	

			- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
35	Kiểm tra cuối kỳ I	1	1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. - Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. - Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu - Vị trí địa lí. Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. - Kinh tế khu vực Mỹ La tinh - Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á - Kinh tế khu vực Đông Nam Á. - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á. - Kinh tế khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ (HOA KỲ)				
36	Bài 18. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ	3	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.	
37				
38				

		- Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kỳ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Hoa Kỳ. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Hoa Kỳ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được sự phân bố dân cư Hoa Kỳ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí; điều kiện tự nhiên; dân cư và xã hội Hoa Kỳ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí địa lí; điều kiện tự nhiên; dân cư và xã hội Hoa Kỳ. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải.	
--	--	--	--

			- <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
39	Bài 19. Kinh tế Hoa Kỳ	3	1. Kiến thức: - Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới. - Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hóa lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kỳ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân hóa lãnh thổ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp Hoa Kỳ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được sự phát triển và phân bố các ngành sản xuất của Hoa Kỳ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về các ngành kinh tế Hoa Kỳ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các ngành kinh tế Hoa Kỳ. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác.	
40				
41				

			- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
LIÊN BANG NGA				
42	Bài 20. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga	3	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, tháp tuổi. - Suu tầm, hệ thống hóa được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ các nguồn khác nhau. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội của Liên Bang Nga. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phân bố dân cư của Liên Bang Nga. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ địa hình và khoáng sản Liên Bang Nga; bản đồ phân bố dân cư của Liên Bang Nga. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội của Liên Bang Nga.	
43				
44				

			+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội của Liên Bang Nga. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Có ý thức học hỏi các nền văn hoá trên thế giới. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
45	Bài 21. Kinh tế Liên bang Nga	2	1. Kiến thức: - Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, vẽ được biểu đồ. - Sưu tầm, hệ thống hóa được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ các nguồn khác nhau. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được quá trình phát triển kinh tế; đặc điểm phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của Liên Bang Nga. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được quá trình phát triển kinh tế; đặc điểm phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của Liên Bang Nga.	
46				

			- <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ nông nghiệp, công nghiệp của Liên Bang Nga. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về quá trình phát triển kinh tế; đặc điểm phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của Liên Bang Nga. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến quá trình phát triển kinh tế; đặc điểm phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của Liên Bang Nga. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
47	Bài 22. Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga	1	1. Kiến thức: - Vẽ biểu đồ thể hiện đối tượng địa lí theo yêu cầu và bảng số liệu cho trước. - Nhận xét và giải thích được về sự phát triển của đối tượng địa lí dựa vào bảng số liệu, biểu đồ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i>	

			+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để tìm hiểu được một số nét chính về tình hình kinh tế - xã hội của Liên Bang Nga. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của Liên Bang Nga. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... > Biết vẽ biểu đồ. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của Liên Bang Nga. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của Liên Bang Nga. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống của mỗi dân tộc, quốc gia. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
NHẬT BẢN				
48	Bài 23. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản	3	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản.	
49				
50				

		- Vẽ được biểu đồ, nhận xét. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Nhật Bản. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân bố dân cư của Nhật Bản. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Nhật Bản. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Nhật Bản. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống của người khác.	
--	--	--	--

			- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
51	Ôn tập giữa học kì II	1	1. Kiến thức: - Giúp HS nắm bắt lại một số vấn đề, nội dung kiến thức quan trọng ở một số bài học. - Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản, nắm vững, khác sâu kiến thức sau khi đã học: Bài 18. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. Bài 19. Kinh tế Hoa Kỳ. Bài 20. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. Bài 21. Kinh tế Liên bang Nga. Bài 23. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
52	Kiểm tra giữa kỳ II	1	1. Kiến thức: - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. - Kinh tế Hoa Kỳ. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. - Kinh tế Liên bang Nga. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.	

			- Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
53	Bài 24. Kinh tế Nhật Bản	2	1. Kiến thức: - Giải thích được tình hình phát triển kinh tế; trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế; so sánh được các vùng kinh tế theo những điểm nổi bật. - Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về kinh tế Nhật Bản. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Nhật Bản. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của Nhật Bản. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i>	
54				

			+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Nhật Bản. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Nhật Bản. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
55	Bài 25. Thực hành: Viết báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản	1	1. Kiến thức: - Viết được báo cáo truyền đạt những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Xác định được sự phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i>	

			+ Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... > Biết vẽ biểu đồ. > Phân tích bảng kiến thức, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để viết báo cáo về một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống của người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)				
56	Bài 26. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc	3	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh-xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét, phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Trung Quốc. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i>	
57				
58				

		+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Trung Quốc. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân bố dân cư của Trung Quốc. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Trung Quốc. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Trung Quốc. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải.	
--	--	---	--

			- <i>Trách nhiệm</i> : Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
59			1. Kiến thức: - Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới. - Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. - Trình bày được sự phát triển của các ngành kinh tế Trung Quốc. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i> : + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i> : Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i> : Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i> : + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế của Trung Quốc. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của Trung Quốc. - <i>Tìm hiểu địa lí</i> : + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ Các trung tâm công nghiệp chính của Trung Quốc; Bản đồ phân bố sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i> :	
60	Bài 27. Kinh tế Trung Quốc	2		

			+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế của Trung Quốc. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế của Trung Quốc. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
61	Bài 28. Thực hành: Viết báo cáo về sự thay đổi kinh tế vùng duyên hải Trung Quốc	1	1. Kiến thức: - Khai thác, chọn lọc thông tin từ Internet và các nguồn thông tin khác liên quan đến sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc và viết báo cáo. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Xác định được phạm vi và thông tin chung về vùng Duyên hải Trung Quốc.	

			+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển nền kinh tế tại vùng Duyên hải Trung Quốc. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự thay đổi thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển nền kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để viết báo cáo về sự thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển nền kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
Ô-XTRÂY-LI-A				
62	Bài 29. Thực hành: Tìm hiểu về kinh tế Ô-xtrây-li-a	2	1. Kiến thức: - Xác định được sự phân bố kinh tế của Ô-xtrây-li-a trên bản đồ. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác về địa lí Ô-xtrây-li-a. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Viết được báo cáo về tình hình phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i>	
63				

		+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được các đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a. + Biết và giải thích được các đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tình hình phát triển và phân bố kinh tế của Ô-xtrây-li-a. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tình hình phát triển và phân bố kinh tế Ô-xtrây-li-a. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống và sự phát triển của mỗi quốc gia. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
--	--	--	--

CỘNG HOÀ NAM PHI			
64	Bài 30. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi	3	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế. - Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét, phân tích được số liệu, vẽ được biểu đồ. - Suu tầm, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về tự nhiên, dân cư, xã hội Cộng hòa Nam Phi. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của cộng hòa Nam Phi. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân bố dân cư của cộng hòa Nam Phi. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ Địa hình và khoáng sản; Bản đồ phân bố dân cư cộng hòa Nam Phi. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i>
65			
66			

			+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của cộng hòa Nam Phi. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của cộng hòa Nam Phi. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống của người dân mỗi quốc gia. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
67				
68	Bài 31. Kinh tế Cộng hoà Nam Phi	2	1. Kiến thức: - Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế Cộng hòa Nam Phi. - Sưu tầm, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về kinh tế Cộng hòa Nam Phi. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù:	

			- <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của cộng hòa Nam Phi. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của cộng hòa Nam Phi. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ Các trung tâm công nghiệp chính của cộng hòa Nam Phi; Bản đồ phân bố sản xuất nông nghiệp của cộng hòa Nam Phi. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế của cộng hòa Nam Phi. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế của cộng hòa Nam Phi. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
69	Ôn tập cuối kỳ II	1	1. Kiến thức: - Giúp HS ôn tập, củng cố nội dung kiến thức và kỹ năng trong học kì II: Bài 18. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. Bài 19. Kinh tế Hoa Kỳ. Bài 20. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. Bài 21. Kinh tế Liên bang Nga. Bài 23. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản	

			Bài 24. Kinh tế Nhật Bản Bài 26. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc Bài 27. Kinh tế Trung Quốc Bài 30. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi Bài 31. Kinh tế Cộng hoà Nam Phi 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
70	Kiểm tra cuối kỳ II	1	1. Kiến thức: - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. - Kinh tế Hoa Kỳ. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. - Kinh tế Liên bang Nga. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản - Kinh tế Nhật Bản - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc - Kinh tế Trung Quốc - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi - Kinh tế Cộng hoà Nam Phi 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	

2. Chuyên đề lựa chọn

Thứ tự tiết	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1 - 15	Chuyên đề 1. Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á	15	1. Kiến thức: - Nêu được khái quát về lưu vực sông Mê Công. - Trình bày được lí do ra đời, mục tiêu của Ủy hội sông Mê Công. - Giới thiệu được một số hoạt động của Ủy hội sông Mê Công. - Xác định được vai trò của Việt Nam trong Ủy hội sông Mê Công. - Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển giao thông vận tải, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biển Đông. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. + Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Hiểu được lí do ra đời, mục tiêu và hoạt động của Ủy hội sông Mê Công, vai trò của Việt Nam trong Ủy hội sông Mê Công. Biết khái quát về biển Đông; sự hợp tác về biển Đông. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh,... - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về Ủy hội sông Mê Công và hợp tác ở biển Đông. 3. Phẩm chất:

			- <i>Yêu nước:</i> + Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. + Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. + Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước + Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động xã hội góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.
16 - 25	Chuyên đề 2. Một số vấn đề về du lịch thế giới	10	1. Kiến thức: - Chứng minh được sự đa dạng, phong phú của các loại tài nguyên du lịch trên thế giới, liên hệ được với tài nguyên du lịch Việt Nam. - Trình bày được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay, liên hệ được với hoạt động du lịch ở Việt Nam. - Trình bày được một số xu hướng phát triển du lịch trên thế giới. - Liên hệ để hiểu được các định hướng phát triển du lịch Việt Nam. - Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến du lịch. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

			+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: Sử dụng được bản đồ để xác định được một số tài nguyên du lịch trên thế giới. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết đọc và sử dụng bản đồ. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về du lịch thế giới. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống của người dân ở mỗi quốc gia. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.
26 - 35	Chuyên đề 3. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	10	1. Kiến thức: - Trình bày được quan niệm về cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; so sánh được đặc điểm và nội dung của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với các cuộc cách mạng công nghiệp trước. - Phân tích được các tác động chủ yếu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đến phát triển kinh tế - xã hội trên toàn thế giới.

			- Nêu được một số xu hướng chính của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. - Vận dụng được hiểu biết về cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào việc định hướng nghề nghiệp và liên hệ với việc học tập. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Hiểu được quan niệm, đặc điểm và nội dung chủ yếu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... phù hợp với nội dung cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 + Biết đọc và sử dụng bản đồ. + Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hóa được các thông tin địa lí cần thiết từ trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống và sự phát triển của người dân mỗi quốc gia.
--	--	--	--

			- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.
--	--	--	--

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Kiểm tra giữa kỳ 1	45 phút	Tuần 8	1. Kiến thức: Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù:Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL

Kiểm tra cuối kỳ 1	45 phút	Tuần 18	1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kỳ I: - Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. - Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. - Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu - Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. - Kinh tế khu vực Mỹ La tinh - Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á - Kinh tế khu vực Đông Nam Á. - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á. - Kinh tế khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù:Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL
Kiểm tra giữa kỳ 2	45 phút	Tuần 26	1. Kiến thức: - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ.	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL

			- Kinh tế Hoa Kỳ. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. - Kinh tế Liên bang Nga. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
Kiểm tra cuối kỳ 2	45 phút	Tuần 35	1. Kiến thức: - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. - Kinh tế Hoa Kỳ. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. - Kinh tế Liên bang Nga. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản - Kinh tế Nhật Bản - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc - Kinh tế Trung Quốc - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi - Kinh tế Cộng hoà Nam Phi 2. Năng lực:	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL

			- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
--	--	--	--	--

III. Các nội dung khác (nếu có):

TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN

Phú Thuận, ngày 17 tháng 9 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hoan

TRƯỜNG: THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
TỔ: SỬ - ĐỊA – GDCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: ĐỊA LÍ; KHỐI LỚP 10 (BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)
(Năm học 2025 - 2026)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 4. Số học sinh: 158; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 37

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0. Đại học: 4 Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ⁵: Tốt: 4 Khá: 0 .Đạt: 0. Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bản đồ tự nhiên Việt Nam	01	- Bài 2. Sử dụng bản đồ - Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Bài 14. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
2	Bản đồ dân cư Việt Nam	01	- Bài 2. Sử dụng bản đồ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
3	Bản đồ kinh tế chung Việt Nam	01	- Bài 2. Sử dụng bản đồ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
4	Quả địa cầu	01	- Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng - Bài 4. Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
5	Bản đồ các mảng kiến tạo và các vành đai động đất, núi lửa	01	- Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng - Bài 5. Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
6	Bản đồ tự nhiên thế giới.	01	- Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

⁵ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

			- Bài 8. Khí áp, gió và mưa - Bài 10. Thủy quyển. Nước trên lục địa - Bài 11. Nước biển và đại dương - Bài 29. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên - Bài 30. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	
7	Bản đồ khí hậu thế giới	01	- Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí - Bài 8. Khí áp, gió và mưa - Bài 9. Thực hành: Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
8	Bản đồ các kiểu thảm thực vật và các nhóm đất chính trên Trái Đất	01	- Bài 12. Đất và sinh quyển - Bài 13. Thực hành: Phân tích bản đồ, sơ đồ về phân bố của đất và sinh vật trên thế giới - Bài 15. Quy luật địa đới và phi địa đới	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
9	Bản đồ dân cư thế giới	01	- Bài 16. Dân số và gia tăng dân số. Cơ cấu dân số - Bài 17. Phân bố dân cư và đô thị hóa	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
10	Bản đồ nông nghiệp thế giới	01	- Bài 20. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Bài 21. Địa lí các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Bài 22. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
11	Bản đồ công nghiệp thế giới	01	- Bài 23. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp - Bài 24. Địa lí một số ngành công nghiệp - Bài 25. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
12	Bản đồ giao thông vận tải thế giới	01	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

13	Bản đồ thương mại thế giới	01	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
14	Bản đồ du lịch thế giới	01	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Nhà đa năng	1	Sinh hoạt ngoại khóa bộ môn cả khối lớp	
2	Phòng thư viện	1	Tìm kiếm tài liệu, bổ sung nội dung kiến thức, mở rộng kiến thức, hình thành năng lực cho học sinh.	

II. Kế hoạch dạy học⁶

1. Phân phối chương trình

Thứ tự tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	Bài 1. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Khái quát được những đặc điểm cơ bản của môn Địa lí. - Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống - Liên hệ kiến thức môn Địa lí đã học, mối quan hệ giữa kiến thức môn Địa lí và kiến thức các môn học có liên quan.	

⁶ Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

			- Xác định được các ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí, giải thích được tại sao kiến thức môn Địa lí lại có lợi thế và phát huy tốt trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau trong cuộc sống. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. – Yêu thích và gắn bó với nghề nghiệp liên quan đến môn Địa lí,	
2				
3	Bài 2. Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí lên bản đồ phương pháp kí hiệu, phương pháp kí hiệu đường chuyển động, phương pháp bản đồ – biểu đồ, phương pháp chấm điểm, phương pháp khoanh vùng... - Nhận biết các phương pháp thể hiện đối tượng địa lí trên các bản đồ bất kì. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (atlat địa lí, khai thác internet trong học tập.) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học phát hiện phương pháp tiến hành ở từng bản đồ cụ thể, có thể tự xây dựng và xác định từng phương pháp biểu hiện các đối tượng trên bản đồ theo yêu cầu,... - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. – Tràn trong các sản phẩm bản đồ trong quá trình sử dụng	

4	Bài 3. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và đời sống. - Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. 2. Về năng lực – Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet trong học tập. – Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống: sử dụng được các ứng dụng của GPS và bản đồ số trong thực tế. - Năng lực chung; năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. – Sử dụng các ứng dụng của GPS và bản đồ số hiệu quả, lành mạnh	
5	Bài 4. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái đất	1	1. Về kiến thức kĩ năng - Trình bày nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của trái đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất - Phân biệt khoáng vật và đá, các nhóm đá theo nguồn gốc. - Sử dụng các hình ảnh, mô hình để phân tích cấu trúc, đặc điểm của vỏ trái đất và nhận biết các loại đá chính. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh ...) khai thác internet phục vụ môn học. – Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.	

			- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
6	Bài 5. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất	3	1. Về kiến thức, kĩ năng - Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, quỹ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ). - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. - Sử dụng hình vẽ, bản đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh khai thác internet phục vụ môn học) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống. - Năng lực chung: tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Hình thành thế giới quan khoa học, khách quan, bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, - Tôn trọng các quy luật tự nhiên.	
7				
8				
9	Bài 6. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm thạch quyển, phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng, vận dụng để giải thích nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. - Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về chuyển động của các mảng kiến tạo. - Nhận xét và giải thích sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ. 2. Về năng lực	
10				

			- Năng lực nhận thức khoa học địa, là nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, lược đồ, sơ đồ, mô hình, tranh ảnh...), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	
11				
12	Bài 7. Nội lực và ngoại lực	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm nội lực và ngoại lực, nguyên nhân của chúng, tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - Phân tích được sơ đồ hình ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn. 3. Về phẩm chất - Hình thành thế giới quan khoa học, khách quan, bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
13	Bài 8. Thực hành: Sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ - Đọc được bản đồ vành đai động đất, núi lửa. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học.	

			- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Tôn trọng các quy luật tự nhiên. - Chia sẻ với người dân các nước có nhiều thiên tai.	
14	Ôn tập giữa kì I	1	1. Kiến thức: Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các chương đã học: - Một số vấn đề chung - Chương I: Sử dụng bản đồ - Chương II: Trái Đất - Chương III: Thạch quyển 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
15	Kiểm tra giữa kì I	1	1. Kiến thức: - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh. - Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. - Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất. - Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.	

			3. Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ..	
16	Bài 9. Khí quyển, các yếu tố khí hậu	4	1. Về kiến thức, kĩ năng – Nếu được khái niệm khí quyển. - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ, đại dương, địa hình. - Trình bày được sự hình thành các đại khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất, một số loại gió địa phương - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. - Phân tích được các số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa,..) - Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: - Năng lực tìm hiểu địa lí: — Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Tôn trọng các quy luật khí hậu.	
17				
18				
19				
20	Bài 10. Thực hành: Đọc bản đồ các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất, phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu	1	1. Kiến thức: - Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. Sử dụng được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất để phân tích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. - Tìm hiểu địa lí: - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:	

			+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. 3. Phẩm chất: - Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.	
21				
22	Bài 11. Thủy quyển, nước trên lục địa	2	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm thủy quyển. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông và trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể. - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành. - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. - Vẽ được sơ đồ; phân tích hình vẽ về thủy quyển. - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. - Sử dụng các công cụ địa lí, biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập.	

			- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nhất là nguồn nước)	
23				
24	Bài 12. Nước biển và đại dương	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. - Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều. - Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương. - Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Về được sơ đồ, phân tích được bản đồ và hình vẽ về nước biển và đại dương.. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: -Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.	
25	Bài 13. Thực hành: Phân tích chế độ nước của sông Hồng	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể (sông Hồng). - Phân tích số liệu thống kê, vẽ biểu đồ lưu lượng nước sông và nhận xét chế độ nước sông 2. Về năng lực - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ của địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Phẩm chất: - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nhất là tài nguyên nước).	

26				
27	Bài 14. Đất trên Trái Đất	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm về đất. - Phân biệt được đất và vỏ phong hoá. - Xác định được các tầng đất. - Phân tích được năm nhân tố hình thành đất và liên hệ với đất địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các nhân tố tác động đến quá trình hình thành đất. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (mô hình, tranh ảnh khai thác internet phục vụ môn học.) 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
28				
29	Bài 15. Sinh quyển	2	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. - Liên hệ được thực tế ở địa phương. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, xác định và lí giải được sự phân bố của sinh quyển. - Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Tôn trọng sự tồn tại của các loài sinh vật trên Trái Đất. - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập.	
30	Bài 16. Thực hành: Tìm	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên Trái Đất	

31	hiểu về sự phân bố đất và sinh vật trên Trái Đất		2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí (phân tích được sự phân bố đất và sinh vật.) - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sau đó, tranh ảnh khai thác internet) phục vụ môn học. - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.	
32	Bài 17. Vỏ địa lí, quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày khái niệm vỏ địa lí, phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí, liên hệ được thực tế ở địa phương. - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí; – Năng lực tìm hiểu địa lí: - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, hình thành thế giới quan khoa học khách quan. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
33	Bài 18. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới	2	1. Về kiến thức kĩ năng - Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và phi địa đới, liên hệ thực tế địa phương. - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí.	
34				

			2. Về năng lực. - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, - Năng lực tìm hiểu địa lí: - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
35	Ôn tập cuối kì I	1	1. Kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
36	Kiểm tra cuối kì I	1	1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển.	

			- Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
37	Bài 19. Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới	3	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới. - Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư nhập cư), trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. - Trình bày được các loại cơ cấu dân số; cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động trình độ văn hoá). - So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu. - Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu). - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu. - Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí: - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình cảm yêu thương người lao động. thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau.	
38				
39				

			- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	
40				
41	Bài 20. Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới	2	1. Kiến thức, kĩ năng - Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư. - Trình bày khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hóa, ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh xã hội và môi trường - Vẽ được biểu đồ dân số (quy mô động thái, cơ cấu..) - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức để giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung. Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, - Tình thành thể giới quan khoa học khách quan . - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	
42	Bài 21. Các nguồn lực phát triển kinh tế	1	1. Kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực, phân tích được vai trò của mỗi nguồn lực đối với phát triển kinh tế. - Phân tích được sơ đồ nguồn lực phát triển kinh tế. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức để giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung. Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, - Tình thành thể giới quan khoa học khách quan . - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	

43				
44	Bài 22. Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế, phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ - So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế, tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNT bình quân đầu người. - Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích, 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, -Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế và dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	
45	Bài 23. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa - Năng lực tìm hiểu địa lí- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Có ý thức trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	

46				
47	Bài 24. Địa lí ngành nông nghiệp	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp. - Trình bày và phải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp - Đọc được bản đồ, xử lí, phân tích số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí- Năng lực tìm hiểu địa lí - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 2. Về phẩm chất - Chăm chỉ trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học "Tách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên phát triển nông nghiệp bền vững.	
48	Bài 25. Địa lí ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong lâm nghiệp thủy sản. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất lâm nghiệp thủy sản ở địa phương. - Đọc được bản đồ, xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về lâm nghiệp, thủy sản. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên để phát triển lâm nghiệp và thủy sản bền vững	

49	Bài 26. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Nếu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới. - Phân tích được những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp làm nghiệp, thủy sản ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí-Năng lực tìm hiểu địa lí môn học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác nhằm giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững	
50	Bài 27. Thực hành: Vẽ và nhận xét biểu đồ về sản lượng thực của thế giới	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Xử lí, phân tích được bảng số liệu thống kê. - Vẽ được biểu đồ nông, lâm, thủy sản. - Nhận xét theo yêu cầu. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí-Năng lực tìm hiểu địa lí- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững	
51	Ôn tập giữa kì II	1	1. Kiến thức: - Giúp HS nắm bắt lại một số vấn đề, nội dung kiến thức quan trọng ở một số bài học ở chương 8, Chương 9, Chương 10 (hết bài 27). - Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản, nắm vững, khác sâu kiến thức sau khi đã học.	

			2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
52	Kiểm tra giữa kì II	1	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí các ngành kinh tế ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (hết bài 27) 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
53	Bài 28. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học, - Năng lực tìm hiểu địa lí: - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Rèn luyện tính chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học. - Giáo dục thế giới quan khoa học. - Ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	

54				
55	Bài 29. Địa lí một số ngành công nghiệp	2	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành khai thác than, dầu khí, quặng kim loại, điện lực, điện tử- tin học, sản xuất hàng tiêu dùng, thực phẩm. - Đọc được bản đồ công nghiệp và phân tích được biểu đồ công nghiệp 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, - Năng lực tìm hiểu địa lí: - - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất -Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học. - Hình thành thể giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên, tình cảm yêu thương người lao động, thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau.	
56	Bài 30. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	1	1. Kiến thức: - Trình bày được quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. - Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thể giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia các hoạt động sản xuất phù hợp với bản thân. Hiểu và có trách nhiệm đối với sự phát triển nền công nghiệp trong tương lai.	
57	Bài 31. Tác động của công nghiệp đối với môi trường, phát	1	1. Kiến thức: - Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường. - Phân tích được sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo. - Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. 2. Về năng lực	

	triển năng lượng tái tạo, định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.		- Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí là sử dụng các công cụ của địa lí học, khai thác internet phục vụ bộ môn. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
58	Bài 32. Thực hành: Viết báo cáo tìm hiểu một vấn đề về công nghiệp	1	1. Kiến thức: - Thu thập tài liệu về một vấn đề công nghiệp. - Trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức phát triển kinh tế trong tương lai.	
59	Bài 33. Cơ cấu, vai trò, đặc điểm các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển	1	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu của dịch vụ. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: - Tìm hiểu địa lí: - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất:	

	và phân bố dịch vụ		- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia phát triển các ngành kinh tế phù hợp với năng lực bản thân (nhất là lĩnh vực dịch vụ).	
60				
61	Bài 34. Địa lí ngành giao thông vận tải	2	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của giao thông vận tải. - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và ngành giao thông vận tải. - Liên hệ được các hoạt động giao thông vận tải tại địa phương. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: - Tìm hiểu địa lí: - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: 3. Phẩm chất: - Đồng cảm với những địa phương, vùng miền, quốc gia còn khó khăn trong điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là GTVT và bưu chính viễn thông. - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực học tập để mai sau đóng góp công sức cho việc xây dựng quê hương đất nước. Bảo vệ và giữ gìn mạng lưới GTVT. Xây dựng môi trường văn hóa trong tham gia giao thông.	
62	Bài 35. Địa lí ngành bưu chính viễn thông	1	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành bưu chính viễn thông. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của bưu chính viễn thông. - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và ngành bưu chính viễn thông. - Liên hệ được các hoạt động bưu chính viễn thông ở địa phương. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.	

			- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Đồng cảm với những địa phương, vùng miền, quốc gia còn khó khăn trong điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là GTVT và bưu chính viễn thông. - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực học tập để mai sau đóng góp công sức cho việc xây dựng quê hương đất nước. Bảo vệ và giữ gìn mạng lưới bưu chính viễn thông. Xây dựng môi trường văn hóa khi sử dụng bưu chính viễn thông.	
63	Bài 36. Địa lí ngành du lịch	1	1. Kiến thức, kỹ năng - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành du lịch. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của du lịch. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành du lịch trên thế giới. - Vẽ được biểu đồ và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê du lịch. - Liên hệ được các hoạt động du lịch ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
64	Bài 37. Địa lí ngành thương mại và ngành tài	2	1. Về kiến thức, kỹ năng - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành thương mại và tài chính ngân hàng. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành thương mại và tài chính ngân hàng.	
65				

	chính ngân hàng		- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành thương mại và tài chính ngân hàng trên thế giới. - Vẽ được biểu đồ, sơ đồ; đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành thương mại và tài chính ngân hàng. - Liên hệ được các hoạt động thương mại và tài chính ngân hàng ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lý là nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lý, phân tích các mối liên hệ giữa các hiện tượng, quá trình địa lý. - Năng lực tìm hiểu địa lý: sử dụng các công cụ địa lý học như bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh.. khai thác internet phục vụ môn học... - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lý giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
66	Bài 38. Thực hành: Viết báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ	1	1. Về kiến thức, kỹ năng Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lý giải thích các hiện tượng và quá trình địa lý - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lý giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung; năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	

67	Bài 39. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	1	1. Kiến thức: - Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lí và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.	
68	Bài 40. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	1	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững - Trình bày được khái niệm và sự biểu hiện của tăng trưởng xanh. Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức địa lí: giải thích được những hệ quả do con người tác động đến môi trường tự nhiên; giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Năng lực tìm hiểu địa lí: tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web, đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống. - Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ. - Trung thực, yêu thiên nhiên, có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường	
69	Ôn tập cuối kì II	1	1. Kiến thức: - Giúp HS ôn tập, củng cố nội dung kiến thức và kỹ năng trong học kì II: Chương 8, 9, 10, 11, 12, 13. 2. Năng lực:	

			- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
70	Kiểm tra cuối kì II	1	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Chương 11: Địa lí ngành công nghiệp - Chương 12: Địa lí ngành dịch vụ - Chương 13: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	

2. Chuyên đề lựa chọn

Thứ tự tiết	Chuyên đề	Thời gian	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1 - 10	Biến đổi khí hậu	Tuần 1 đến	10	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu. - Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu.

	-Khái niệm, biểu hiện. -Nguyên nhân. -Tác động. -Ứng phó.	tuần 10	2	- Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu. - Hệ thống hóa được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: + Phân tích được khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. - Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, ... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm trong việc chống biến đổi khí hậu.
11 - 25	Đô Thị Hóa -Khái niệm, ĐTH ở các nước phát triển - ĐTH ở các nước đang phát triển	Tuần 11 đến tuần 25	15	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm về đô thị hóa theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nêu được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển. Phân biệt được quy mô của các đô thị. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước phát triển. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hóa đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển. Liên hệ được với thực tế Việt Nam. - So sánh được đặc điểm đô thị hóa giữa hai nhóm nước: phát triển, đang phát triển. - Xác định được trên bản đồ thế giới một số siêu đô thị. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới hoặc một số nước. 2. Năng lực:

	-Tác động của ĐTH ở các nước đang phát triển			- Nhận thức khoa học địa lí: + Sử dụng được bản đồ để xác định được tỉ lệ dân thành thị, quy mô dân số đô thị. - Tìm hiểu địa lí: + Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... + Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đô thị hóa. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có nhận thức đúng đắn về quá trình đô thị hóa nước ta.
26 - 35	Phương pháp viết báo cáo địa lí -Những vấn đề chung. -Quy trình viết BC. -Thực hành viết BC	Tuần 26 đến tuần 35.	10 3 4 3	- Nêu được quan niệm về báo cáo địa lí. - Trình bày được cấu trúc của một báo cáo địa lí. - Xác định được các bước cần thực hiện để viết một báo cáo địa lí: chọn đề tài, xây dựng đề cương; thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hóa dữ liệu; trình bày báo cáo. - Xác định được ý tưởng và chọn đề tài báo cáo địa lí. - Xác định được cấu trúc của một đề cương báo cáo khoa học và nội dung chính xác của các đề mục. - Xác định và hình thành được kĩ năng thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hóa thông tin. - Xác định được các hình thức trình bày báo cáo. - Trình bày được kĩ thuật viết một báo cáo địa lí; hình thành được kĩ năng viết và trình bày báo cáo địa lí.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 8	1. Kiến thức: - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh. - Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. - Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất. - Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL

			- Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí các ngành kinh tế ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (hết bài 27) 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Chương 11: Địa lí ngành công nghiệp - Chương 12: Địa lí ngành dịch vụ - Chương 13: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL

TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN

Phú Thuận, ngày 17 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hoan

Nguyễn Ngọc Bảo